TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08 – 8 – 2024
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Dài.

2. Ông Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Trúc G, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Minh T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Lê Thị Trúc G, anh Đỗ Minh T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Trúc G trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Trúc G và anh Đỗ Minh T tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng do được mai mối, sau đó tự tìm hiểu khoảng 01 tháng, có tổ chức đám cưới vào tháng 3 năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 17/6/2016. Sau khi kết hôn thì vợ

chồng sống tại nhà cha mẹ anh T tại ấp C, xã T, huyện T. Sau khi sinh con vào tháng 4/2017 thì chị G và con về sinh sống tại nhà của cha mẹ chị G tại ấp L, xã P, huyện T đến nay, do con chung sức khỏe yếu nên cha mẹ chị G phụ giúp chăm con và chị G đi làm kiếm thu nhập. Từ tháng 4/2017 thì anh T chỉ lên thăm nom con, nhưng chị G và anh T không có sống chung với nhau. Trong khoảng 3 năm nay thì anh T ghen tuông không có lý do, anh T cho rằng chị G quen biết người khác nên theo dõi chị G, nói xấu chị G với người khác, đến nhà cha mẹ chị G cầm dao hăm dọa chị G và đòi tự tử, tạo áp lực với chị G. Hiện nay chị G không còn tình cảm với anh T, không muốn hàn gắn với anh T nên chị G yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Lê Thị Trúc G và anh Đỗ Minh T có con chung tên Đỗ Minh A, sinh ngày 22/4/2017. Chị Lê Thị Trúc G yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Minh A và chị Lê Thị Trúc G không có yêu cầu anh Đỗ Minh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Đỗ Minh A đang sống chung với chị Lê Thị Trúc G.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án,bị đơn anh Đỗ Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đỗ Minh T và chị Lê Thị Trúc G tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng do được mai mối, rồi tự tìm hiểu khoảng 01 tháng và tổ chức đám cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 17/6/2016. Sau khi cưới thì vợ chồng sống chung với nhà cha mẹ anh T tại ấp C, xã T, huyện T. Đến khi chị G sinh con vào tháng 4/2017 thì chị G và con về sinh sống tại nhà cha mẹ chị G tại ấp L, xã P, huyện T từ năm 2017 đến nay; nhưng anh T vẫn đi đi về về thăm nom chị G và con. Anh T nhận thấy từ năm 2017 đến nay thì anh T và chị G không tìm được tiếng nói chung; chị G không quan tâm anh T, đối xử với anh T lạnh nhạt. Tại phiên tòa, anh T nhận thấy chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, không còn tình cảm với anh T nên anh T thống nhất ly hôn với chị G.

Về con chung: Anh Đỗ Minh T đồng ý với chị Lê Thị Trúc G về việc vợ chồng có con chung tên Đỗ Minh A, sinh ngày 22/4/2017. Khi ly hôn anh Đỗ Minh T thống nhất giao cháu Đỗ Minh A, sinh ngày 22/4/2017 cho chị Lê Thị Trúc G được quyền trực tiếp nuôi và anh Đỗ Minh T không thống nhất cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Đỗ Minh A đang sống chung với chị Lê Thị Trúc G.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị Lê Thị Trúc G và anh Đỗ Minh T. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Trúc G và anh Đỗ Minh T thuận tình ly hôn cùng nhau. Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Minh A, sinh ngày 22/4/2017 cho chị Lê Thị Trúc G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đỗ Minh T không phải cấp dưỡng cho cháu Đỗ Minh A do chị Lê Thị Trúc G không có yêu cầu anh Đỗ Minh T cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy CCCD của chị Lê Thị Trúc G (Bản photo, đã đối chiếu bản chính);

- Bản tự khai của chị Lê Thị Trúc G (Bản chính);

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);

- Trích khai sinh (Bản sao).

- Giấy CCCD của anh Đỗ Minh T (Bản photo, đã đối chiếu bản chính);

- Bản tự khai ngày 17/7/2024 của anh Đỗ Minh T (Bản chính).

- Biên bản lấy lời khai cháu Đỗ Minh A ngày 22/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Trúc G và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Đỗ Minh T cư trú tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Tại phiên tòa trong phần tranh tụng, chị Lê Thị Trúc G yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Minh T; anh T đồng ý ly hôn với chị G.

Xét thấy, chị G và anh T được mai mối, tự tìm hiểu khoảng 01 tháng thì tổ chức đám cưới vào tháng 3/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 17/6/2016, nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị G và anh T phát sinh mâu thuẫn mà không tự giải quyết với

nhau được. Chị G và anh T xác định đã không sống chung với nhau từ năm 2017 đến nay; do sau khi sinh con thì chị G và con chung sống tại nhà cha mẹ chị G tại ấp L, xã P, huyện T, còn anh T thì sống tại nhà cha mẹ anh T tại ấp C, xã T, huyện T.

Chị G xác định khoảng 3 năm nay thì anh T đã có nhiều hành vi ghen tuông, tạo áp lực với chị G nên chị G không còn tình cảm với anh T, không muốn hàn gắn với anh T. Anh T trình bày anh chị không sống chung với nhau từ năm 2017 đến nay nhưng anh T vẫn đi đi về về thăm chị G và con; nay anh T nhận thấy anh chị không hàn gắn tình cảm với nhau được nên anh T đồng ý ly hôn với chị G.

Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Từ trình bày của chị G và anh T, cho thấy chị G và anh T đã không sống chung với nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng từ năm 2017 đến nay đến nay; hiện nay chị G không còn tình cảm với nhau và không muốn hàn gắn, đoàn tụ tình cảm với anh T; trong thời gian từ năm 2017 đến nay, anh T không hàn gắn được với chị G. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị G và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải quyết việc ly hôn*".

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn của chị Lê Thị Trúc G và anh Đỗ Minh T là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Chị G và anh T xác định có 01 con chung tên Đỗ Minh A, sinh ngày 22/4/2017. Chị G yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Minh A và chị G không có yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Anh T thống nhất giao cháu Minh A cho chị G được quyền trực tiếp nuôi và anh T không thống nhất cấp dưỡng cho con. Xét thấy, hiện nay cháu Minh A đang sống chung với chị G; chị G đã làm tròn nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và cho cháu Minh A đi học. Mặt khác, cháu Minh A đã trên 07 tuổi, có văn bản ghi nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với chị G.

Khoản 1, 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"*1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi*

mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."

Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Minh A như đã phân tích, đồng thời xem xét nguyện vọng của cháu Minh A, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh T giao cháu Minh A cho chị G được quyền trực tiếp nuôi, là phù hợp theo quy định của pháp luật; anh T không phải cấp dưỡng cho cháu Minh A do chị G không có yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Trúc G và anh Đỗ Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Trúc G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Đỗ Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Lê Thị Trúc G và anh Đỗ Minh T.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Trúc G và anh Đỗ Minh T thống nhất thuận tình ly hôn cùng nhau.

2. Về con chung: Anh Đỗ Minh T thống nhất giao con chung tên Đỗ Minh A, sinh ngày 22/4/2017 cho chị Lê Thị Trúc G được quyền trực tiếp nuôi con. Anh Đỗ Minh T không phải cấp dưỡng cho cháu Đỗ Minh A do chị Lê Thị Trúc G không có yêu cầu anh Đỗ Minh T cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh Đỗ Minh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Đỗ Minh T không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Lê Thị Trúc G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Đỗ Minh T.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Trúc G và anh Đỗ Minh T không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Trúc G thống nhất tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0006697 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị G đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đỗ Minh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 08/8/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Mỹ (Đăng ký kết hôn số 37, ngày 17/6/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thùy Trang